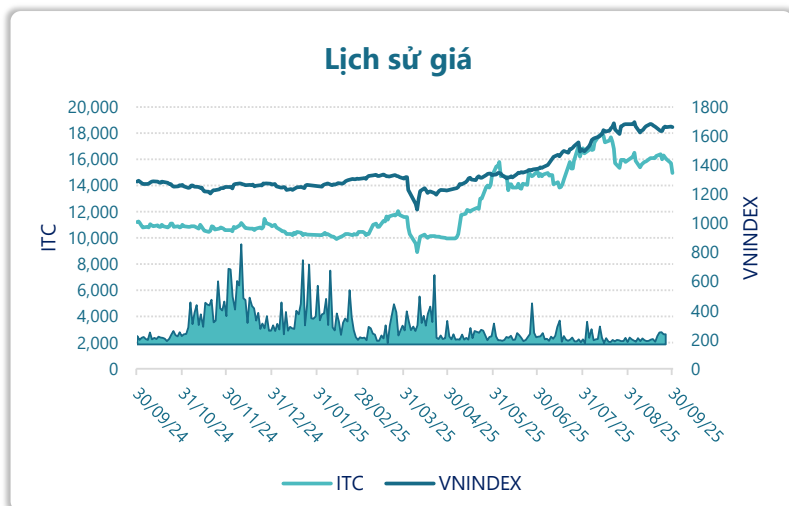


CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	14,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,910
SL cổ phiếu LH	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	237,690
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,434
P/E	24.7
EPS	606

DT thuần
Q3/25

195

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 3.7%

YoY: ▲ 60.0 | 44.4%

LN sau thuế
Q3/25

37.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 32.5 | 669%

YoY: ▲ 31.3 | 512%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

34.9%

+/- YoY: ▲ 13.0%

DT thuần
9T 2025

543

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 139 | 34.4%

LN sau thuế
9T 2025

53.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.2 | 150%

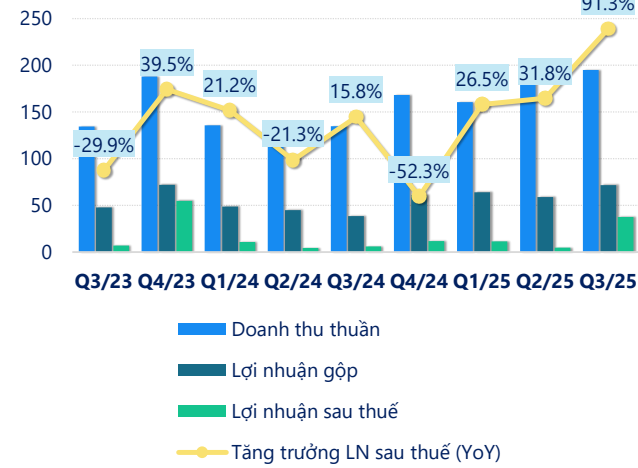
ROE
Q3/25

2.3%

+/- YoY: ▼ 1.0%

tỷ VNĐ

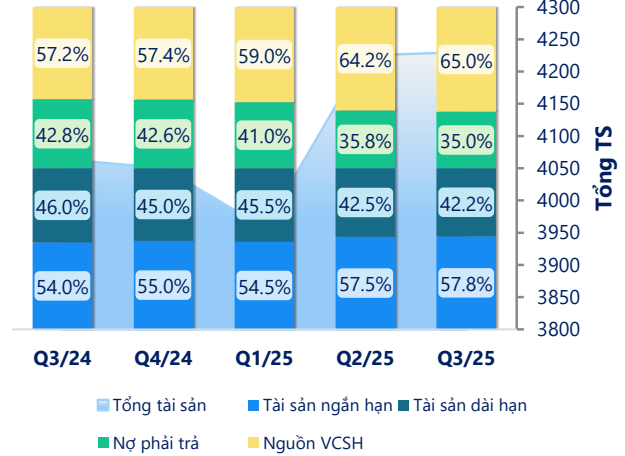
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

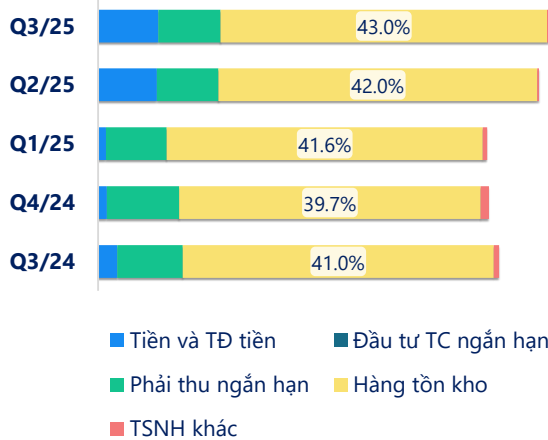
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



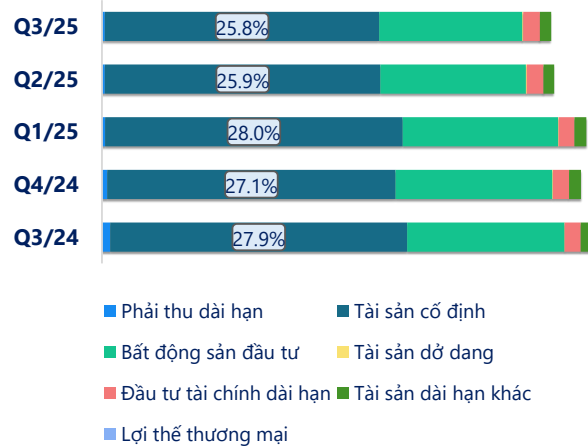
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

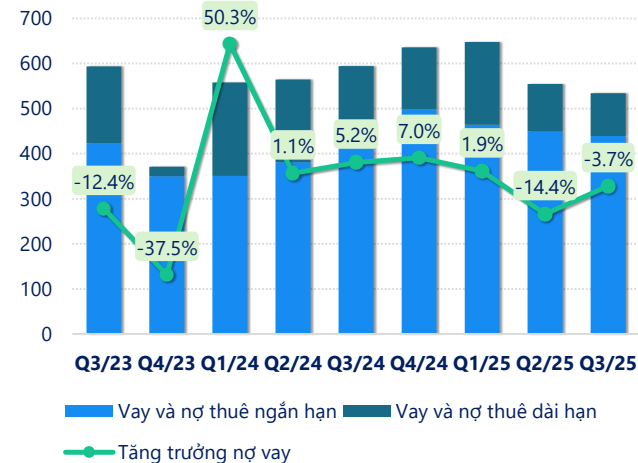
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

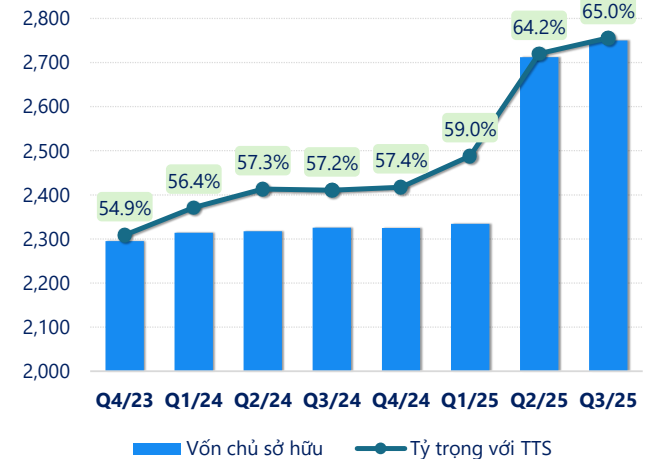
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

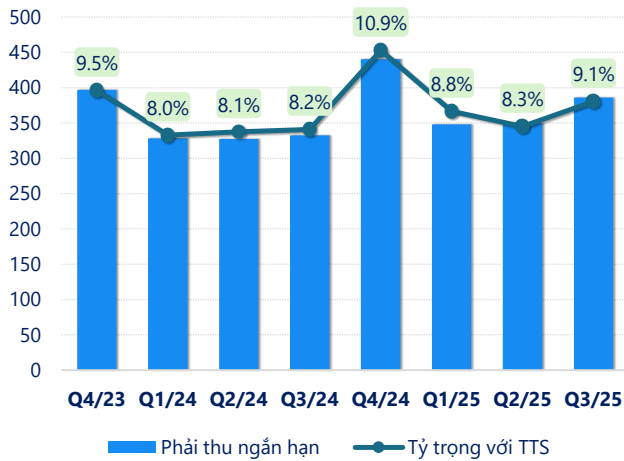
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



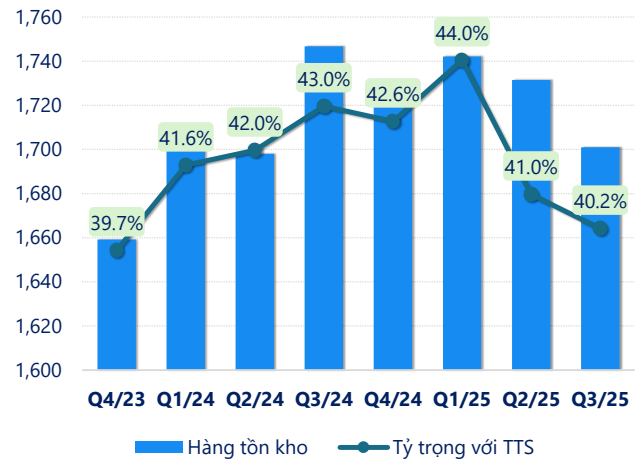
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


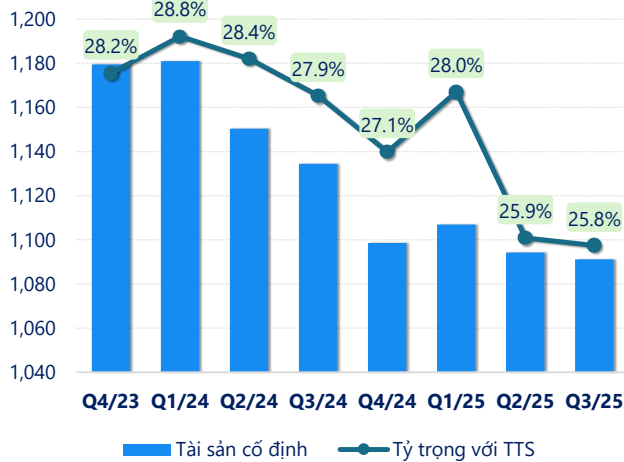
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


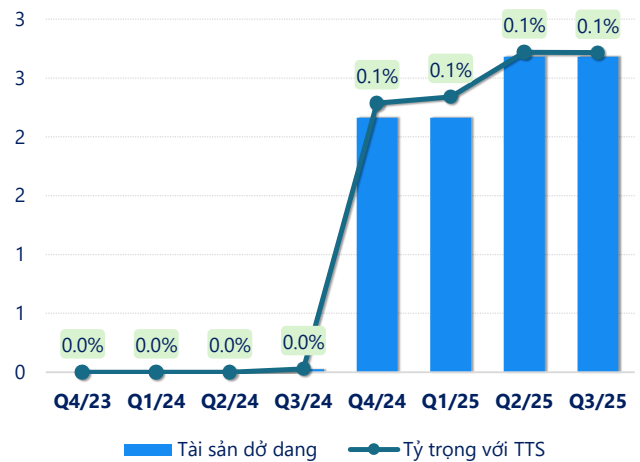
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

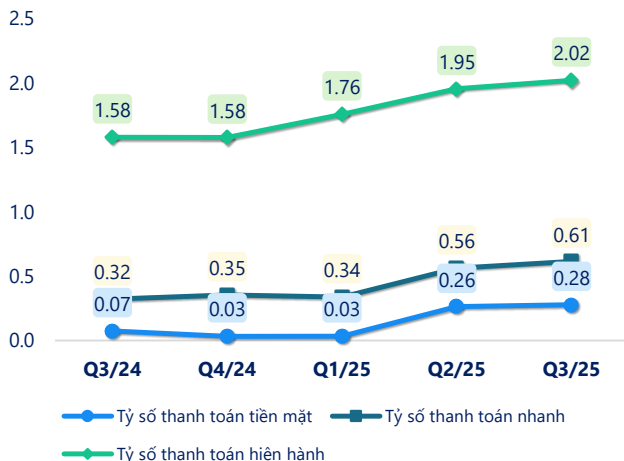
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

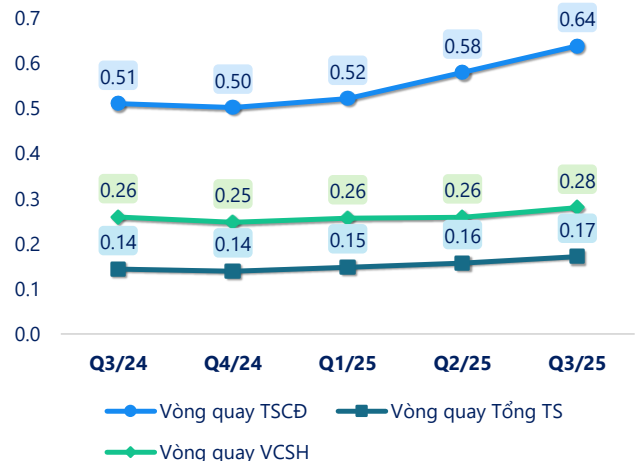
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	4,064	4,050	3,957	4,225	4,230
Tài sản ngắn hạn	2,193	2,226	2,155	2,428	2,443
Tiền và tương đương tiền	103	47.0	40.8	327	336
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	8.40	10.2	10.2
Phải thu ngắn hạn	332	440	348	350	386
Hàng tồn kho	1,747	1,727	1,742	1,731	1,701
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	12.0	16.1	10.3	10.2
Tài sản dài hạn	1,871	1,824	1,802	1,796	1,787
Phải thu dài hạn	31.9	19.9	11.9	11.9	11.9
Tài sản cố định	1,134	1,099	1,107	1,094	1,091
Bất động sản đầu tư	601	597	578	579	570
Tài sản dở dang	0.03	2.16	2.16	2.68	2.68
Đầu tư tài chính dài hạn	61.9	61.9	59.2	66.7	66.7
Tài sản dài hạn khác	41.5	45.0	43.6	42.4	44.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,738	1,726	1,623	1,512	1,480
Nợ ngắn hạn	1,390	1,412	1,227	1,243	1,210
Vay và nợ thuê ngắn hạn	423	499	464	449	439
Phải trả người bán ngắn hạn	116	123	116	103	88.2
Nợ dài hạn	348	313	396	269	270
Vay và nợ thuê dài hạn	171	137	183	105	94.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,326	2,324	2,334	2,712	2,750
Vốn chủ sở hữu	2,326	2,324	2,334	2,712	2,750
Vốn điều lệ	964	964	964	964	964
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)